TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
	Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 81/2026/LĐ-ST
Ngày: 07/07/2026
V/v Tranh chấp tiền lương và bảo hiểm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đinh Hoàng Việt
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà An Phương Trang là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên toà:* Ông Huỳnh Tấn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 07 năm 2026 tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 06/2026/TLST-LĐ ngày 14 tháng 01 năm 2026 về việc "Tranh chấp tiền lương và bảo hiểm" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 504/2026/QĐXXST-LĐ ngày 26 tháng 05 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 371/2026/QĐST-LĐ ngày 19 tháng 06 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị T**, sinh ngày 02/03/1995 (có mặt)
Căn cước số: 054195008259 cấp ngày 28/06/2021
Thường trú: Thôn P, xã A, huyện T, tỉnh Phú Yên (nay là xã T, tỉnh Đắk Lắk).
Địa chỉ liên hệ: 22a/6 T, phường Đ, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: **Công ty Cổ Phần Đ1.H.C** (vắng mặt)
Mã số doanh nghiệp: 0302982257
Trụ sở: Tầng F, số A H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo pháp luật: Ông Hồ Thanh Đ - Chức danh: Chủ tịch hội đồng quản trị/ ông Phạm Tấn H - Chức danh: Tổng Giám Đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/01/2026 cùng các tài liệu chứng cứ nguyên đơn cung cấp, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bà Nguyễn Thị T và Công ty Cổ Phần Đ1.H.C (gọi tắt là: Công ty) có ký

hợp đồng lao động số 301122/HĐLĐ_VP ngày 30/11/2022, thời hạn hợp đồng là 03 năm, mức lương: 14.000.000 đồng. Ngày 01/01/2024, bà T và Công ty có ký Phụ lục Hợp đồng nội dung thay đổi điều chỉnh mức lương lên 15.000.000 đồng từ tháng 01/2024.

Thực hiện hợp đồng, bà T bắt đầu làm việc và Công ty trả lương từ 01/12/2022. Sau đó, bà T xin nghỉ việc nên ngày 24/04/2025 Công ty đã ban hành Quyết định v/v chấm dứt hợp đồng lao động, bà T được nghỉ việc từ ngày 25/4/2025. Tuy nhiên, Công ty vẫn không trả đủ tiền lương còn nợ cho bà T từ tháng 8/2024 đến tháng 04/2025 là 80.366.885 đồng. Sau khi thụ lý, ngày 10/02/2026 Công ty đã trả tiền lương tháng 12/2024 là 15.000.000 đồng. Công ty hiện còn nợ tiền lương là 65.366.885 đồng và chưa đóng đủ bảo hiểm từ tháng 12/2022 đến 04/2025. Nay, bà Nguyễn Thị T xác định chỉ yêu cầu Công ty Cổ Phần Đ1.H.C trả ngay tiền lương còn nợ là 65.366.885 đồng và đóng bảo hiểm bổ sung từ tháng 12/2022 đến 04/2025.

Bị đơn: Vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa hôm nay,

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, những người tham gia tố tụng được thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa của nguyên đơn là phù hợp với chứng cứ có trong hồ sơ. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án có cơ sở xác định đây là vụ án lao động về "Tranh chấp tiền lương và bảo hiểm"; bị đơn có trụ sở tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết tranh chấp của Tòa án nhân dân khu vực 4 - Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại tòa án và Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn đã được Toà án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu đương sự:

[2.1] Về tiền lương:

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định:

Bà Nguyễn Thị T và Công ty Cổ Phần Đ1.H.C có ký hợp đồng lao động số 301122/HĐLĐ_VP ngày 30/11/2022, thời hạn hợp đồng là 03 năm, mức lương: 14.000.000 đồng. Ngày 01/01/2024, bà T và Công ty có ký Phụ lục Hợp đồng nội dung thay đổi điều chỉnh mức lương lên 15.000.000 đồng từ tháng 01/2024. Thực hiện hợp đồng, bà T bắt đầu làm việc và Công ty trả lương từ 01/12/2022. Sau đó, bà T xin nghỉ việc nên ngày 24/04/2025 Công ty đã ban hành Quyết định v/v chấm dứt hợp đồng lao động, bà T được nghỉ việc từ ngày 25/4/2025. Công ty chưa trả đủ tiền lương từ tháng 8/2024 đến tháng 04/2025 nên bà T yêu cầu Công ty trả ngày tiền lương còn nợ là 65.366.885 đồng; trong đó nợ lương: Tháng 08/2024 là 11.464.500 đồng, tháng 10/2024 là 14.464.500 đồng, tháng 11/2024 là 14.464.500 đồng, tháng 03/2025 là 13.393.500 đồng và tháng 04/2025 là 11.579.885 đồng.

Xét thấy, tại Biên bản hòa giải về tranh chấp lao động ngày 17/10/2025 của Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện: Công ty Cổ Phần Đ1.H.C thừa nhận còn nợ tiền lương của bà Nguyễn Thị T từ tháng 8/2024 đến tháng 04/2025 là 80.366.885 đồng nên đây là tình tiết không cần phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý, bà T xác nhận ngày 10/02/2026 Công ty đã trả tiền lương tháng 12/2024 là 15.000.000 đồng. Như vậy, bà T yêu cầu Công ty trả ngay tiền lương còn nợ là 65.366.885 đồng là có cơ sở phù hợp với quy định tại các Điều 90, 94, 95 và Điều 96 của Bộ luật Lao động năm 2019 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về đóng bảo hiểm:

Công văn số 1432/BHXH ngày 19/05/2026 của Bảo hiểm xã hội T1 thể hiện:

"1. Theo dữ liệu do Bảo hiểm xã hội cơ sở T1 quản lý, Công ty đăng ký tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp (BHTNLĐ-BNN) cho bà Nguyễn Thị T như sau:

- Từ tháng 04/2023 đến tháng 11/2024 với mức lương: 5.100.000 đồng.

- Từ tháng 12/2024 đến tháng 12/2024 không tham gia do không làm việc, không hưởng từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng.

- Từ tháng 01/2025 đến tháng 04/2025 với mức lương: 5.100.000 đồng.

…

Tổng số tiền truy đóng do chậm đóng, trốn đóng là: 91.072.000 đồng,

chưa bao gồm số tiền bằng 0,03%/ngày tính trên số tiền BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN chậm đóng, trốn đóng phải nộp. Quá trình truy thu, truy đóng trên chưa trừ các tháng không phải đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN do không làm việc và không hưởng lương từ 14 ngày làm việc trở lên trong tháng theo quy định tại Khoản 5, Điều 33 Luật BHXH…"

Theo Hợp đồng lao động số 301122/HĐLĐ_VP ngày 30/11/2022 mức lương mà Công ty thỏa thuận trả cho bà T là 14.000.000 đồng và Phụ lục Hợp đồng ngày 01/01/2024 nội dung thay đổi điều chỉnh mức lương lên 15.000.000 đồng từ tháng 01/2024. Ngoài ra, tại Biên bản hòa giải về tranh chấp lao động ngày 17/10/2025 của Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố Hồ Chí Minh thể hiện Công ty thừa nhận còn nợ tiền lương của bà Nguyễn Thị T từ tháng 8/2024 đến tháng 04/2025 là 80.366.885 đồng (trong đó: nợ lương tháng 12/2024 là 15.000.000 đồng) và thực tế vào ngày 10/02/2026 Công ty đã trả tiền lương tháng 12/2024 là 15.000.000 đồng. Như vậy, không có việc tháng 12/2024 bà T không làm đủ 14 ngày trở lên trong tháng để không tham gia đóng bản hiểm.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các khoản 2 Điều 2, khoản 2 Điều 21, khoản 1 Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 13, 14, 15 Luật BHYT 2014 (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế năm 2024); Điều 6 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ; Điều 43, 44 Luật Việc làm 2013; Điều 41, 44 Luật Vệ sinh an toàn lao động 2015, Điều 3 Nghị định số 44/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ thì Công ty có nghĩa vụ đóng BHXH, BHYT, BHTN, BHTNLĐ-BNN tại Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền cho bà T từ ngày 01/12/2022 đến ngày 24/04/2025 với mức lương theo hợp đồng lao động số 301122/HĐLĐ_VP ngày 30/11/2022 và Phụ lục Hợp đồng ngày 01/01/2024.

Mặt khác, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 168 Bộ luật Lao động 2019 thì *"Người sử dụng lao động, người lao động phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp; người lao động được hưởng các chế độ theo quy định của pháp luật về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp"*; Và khoản 1 Điều 19 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 quy định trách nhiệm của người lao động là *"Đóng bảo hiểm xã hội theo quy định của Luật này"*. Vì vậy, cần buộc bà T cũng phải có nghĩa vụ đóng *BHXH, BHYT, BHTN* tại Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền tính từ ngày 01/12/2022 đến ngày 24/04/2025 với mức lương theo hợp đồng lao động số 301122/HĐLĐ_VP ngày 30/11/2022 và Phụ lục Hợp đồng ngày 01/01/2024.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q, bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Luật số 85/2025/QH15 sửa đổi Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật hòa giải đối thoại tại tòa án;

Căn cứ Điều 90, 94, 95, 96 và Điều 168 của Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 2, 19, 21 và Điều 86 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014;

Căn cứ Điều 13, 14, 15 Luật Bảo hiểm y tế 2014 (Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế năm 2024);

Căn cứ Điều 43, Điều 44 Luật Việc làm 2013;

Căn cứ Điều 41, Điều 44 Luật Vệ sinh an toàn lao động 2015,

Căn cứ Điều 3 Nghị định số 44/2017/NĐ-CP ngày 14/04/2017 của Chính phủ;

Căn cứ Điều 6 Nghị định số 188/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Q.

Căn cứ Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc Công ty Cổ Phần Đ1.H.C phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền lương còn nợ là 65.366.885 đồng *(Sáu mươi lăm triệu ba trăm sáu mươi sáu ngàn tám trăm tám mươi lăm đồng),* của hợp đồng lao động số 301122/HĐLĐ_VP ngày 30/11/2022 và Phụ lục Hợp đồng ngày 01/01/2024.

Thanh toán ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Việc giao nhận tiền được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Buộc Công ty Cổ Phần Đ1.H.C có nghĩa vụ đóng bổ sung bảo hiểm xã

hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động - bệnh nghề nghiệp và bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ đóng bổ sung bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội, Luật bảo hiểm y tế, Luật Việc làm và Luật Vệ sinh an toàn lao động tại Cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền cho bà Nguyễn Thị T từ ngày 01/12/2022 đến ngày 24/04/2025 với mức lương theo hợp đồng lao động số 301122/HĐLĐ_VP ngày 30/11/2022 và Phụ lục Hợp đồng ngày 01/01/2024.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Công ty Cổ Phần Đ1.H.C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.961.006 đồng *(Một triệu chín trăm sáu mươi mốt ngàn không trăm lẽ sáu đồng)* và nộp tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

5. Quyền kháng cáo:

Bà Nguyễn Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Công ty Cổ Phần Đ1.H.C vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

6. Về thi hành án:

Trường hợp quyết định/bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2025 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 36 và Điều 71 Luật Thi hành án dân sự năm 2025; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật Thi hành án dân sự năm 2025./.

Nơi nhận:
- VKSND khu vực 4;
- TAND TP HCM;
- THADS TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Thanh Vân